TÒA ÁN DÂN DÂN **HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 09/2018/HNGĐ - ST	*Ninh Bình, ngày 25 tháng 01 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 02/2018/TLST/HNGĐ ngày 10/01/2018 giữa:

Nguyên đơn: Anh Vũ Văn M – sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn D, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T – sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn D, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ các Điều 212, Điều 213 và khoản 4 – Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu mộp, quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17/1/2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17/1/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp lật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Vũ Văn M và chị Nguyễn Thị T.

2.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Giao cháu Vũ Tường V sinh ngày 25/4/2012 chi chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Anh Vũ Văn M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) kể từ tháng 2/2018 đến khi cháu Vũ Tường V đủ 18 tuổi.

Anh M có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu V được quyền chung sống với chị T. Anh M có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Chị T các thành viên trong gia đình không được cản trở anh M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày chị T có đơn đề nghị thi hành án đối với số tiền anh M chậm trả thi anh M phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về tài sản chung và công nợ: Anh Vũ Văn M và chị Nguyễn Thị T đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ tài sản gì nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Anh Vũ Văn M nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Án phí cấp dưỡng nuôi con anh M phải nộp là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền án phí anh M phải nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng); tại biên lai số 0001931 ngày 10/1/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ngườ được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình*
- *VKSND huyện Yên Mô*
- *Phòng KTNV;*
- *Chi cục THADS huyện Yên Mô*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Yên Từ*
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa